

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam thực hiện tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả tại Bộ phận Một cửa

CỤC TRƯỞNG CỤC HÀNG HẢI VÀ ĐƯỜNG THỦY VIỆT NAM

Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06 tháng 12 năm 2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 08/QĐ-BXD ngày 01/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 554/QĐ-CHHĐTVN ngày 15/05/2025 của Cục trưởng Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam về việc thành lập Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính (Bộ phận Một cửa) theo cơ

ché một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính tại cơ quan Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Cục.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận và trả kết quả tại Bộ phận Một cửa của Cơ quan Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Bộ (Phòng KSTTHC);
- Cục trưởng (để b/c);
- Các Phó Cục trưởng;
- Trung tâm CNTT (để phối hợp t/h);
- Bộ phận Một cửa (để t/h);
- Website Cục (để đăng tải);
- Lưu: VT, VP (BPMC).

**KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG**

Tổng Hoàng Kha

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA CỤC HÀNG HẢI VÀ ĐƯỜNG THỦY VIỆT NAM THỰC HIỆN TIẾP NHẬN HỒ SƠ VÀ TRẢ KẾT QUẢ TẠI BỘ PHẬN MỘT CỬA (BPMC)

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-CHHĐTVN ngày tháng năm 2025

của Cục trưởng Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam)

STT	Tên thủ tục	Mã thủ tục	Địa điểm thực hiện Tiếp nhận và Trả kết quả	Đơn vị giải quyết
III – Lĩnh vực Hàng hải				
1	Thỏa thuận việc đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng cảng biển tạm thời	1.002228	BPMC Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam	Phòng Kết cấu hạ tầng
2	Gia hạn hoạt động của kết cấu hạ tầng cảng biển tạm thời	1.002236	BPMC Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam	Phòng Kết cấu hạ tầng
3	Công bố mở cảng biển, cảng dầu khí ngoài khơi	1.004166	BPMC Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam	Phòng Kết cấu hạ tầng
4	Công bố đưa luồng hàng hải vào sử dụng đối với trường hợp luồng hàng hải công bố sau thời điểm công bố mở cảng biển hoặc luồng hàng hải được đầu tư mới, công bố lại do điều chỉnh, mở rộng, nâng cấp	1.004162	BPMC Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam	Phòng Kết cấu hạ tầng
5	Đổi tên cảng biển, bến cảng, cầu cảng, bến phao và khu nước, vùng nước, cảng dầu khí ngoài khơi đã được công bố <i>- Bộ Xây dựng xem xét quyết định đối với đề nghị đổi tên cảng biển hoặc cảng dầu khí ngoài khơi;</i>	1.003253	BPMC Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam	Phòng Kết cấu hạ tầng

STT	Tên thủ tục	Mã thủ tục	Địa điểm thực hiện Tiếp nhận và Trả kết quả	Đơn vị giải quyết
	<i>- Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam quyết định đổi tên bến cảng, cầu cảng, bến phao và khu nước, vùng nước.</i>			
6	Công bố mở cảng cạn và công bố mở cảng cạn đối với điểm thông quan hàng hóa đã có chủ trương chuyển thành cảng cạn	1.004284	BPMC Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam	Phòng Kết cấu hạ tầng
7	Chuyển đổi điểm thông quan hàng hóa xuất, nhập khẩu thành cảng cạn	1.001857	BPMC Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam	Phòng Kết cấu hạ tầng
8	Chấp thuận thiết lập báo hiệu hàng hải	1.004123	BPMC Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam	Phòng Kết cấu hạ tầng
9	Đưa báo hiệu hàng hải vào sử dụng	1.002249	BPMC Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam	Phòng Kết cấu hạ tầng
10	Đổi tên cảng cạn	1.001870	BPMC Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam	Phòng Kết cấu hạ tầng
11	Tạm dừng hoạt động, đóng cảng cạn	1.004280	BPMC Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam	Phòng Kết cấu hạ tầng
12	Trả lời sự phù hợp quy hoạch cảng cạn	1.001845	BPMC Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam;	Phòng Kết cấu hạ tầng
13	Thỏa thuận vị trí, thông số kỹ thuật chi tiết cảng biển, bến cảng, cầu cảng, luồng hàng hải	1.001889	BPMC Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam	Phòng Kết cấu hạ tầng
14	Cho ý kiến đối với dự án xây dựng công trình trong vùng nước cảng biển và các công trình khác xây dựng trong vùng nước cảng biển	1.001899	BPMC Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam	Phòng Kết cấu hạ tầng

STT	Tên thủ tục	Mã thủ tục	Địa điểm thực hiện Tiếp nhận và Trả kết quả	Đơn vị giải quyết
15	Công bố mở bến cảng, cầu cảng, bến phao và các khu nước, vùng nước (bao gồm cả việc đưa kết cấu hạ tầng cảng biển tạm thời vào sử dụng)	1.004157	BPMC Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam	Phòng Kết cấu hạ tầng
16	Công bố đóng bến cảng, cầu cảng, bến phao và khu nước, vùng nước	1.004142	BPMC Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam	Phòng Kết cấu hạ tầng
17	Đề nghị thiết lập kết cấu hạ tầng cảng biển tạm thời	1.004134	BPMC Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam	Phòng Kết cấu hạ tầng
18	Công bố thông báo hàng hải lần đầu về các thông số kỹ thuật của luồng hàng hải, vùng nước trước cầu cảng và các khu nước, vùng nước sau khi xây dựng, nạo vét duy tu, cải tạo, nâng cấp	1.004077	BPMC Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam	Phòng Kết cấu hạ tầng
19	Phê duyệt phương án bảo đảm an toàn hàng hải	1.004276	BPMC Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam	Phòng Kết cấu hạ tầng
20	Thủ tục đến cảng biển đối với tàu thuyền nước ngoài thực hiện các hoạt động về nghiên cứu khoa học, nghề cá, cứu hộ, trục vớt tài sản chìm đắm, lai dắt hỗ trợ trong vùng nước cảng biển, huấn luyện, văn hóa, thể thao, lắp đặt, xây dựng công trình biển, công trình ngầm, phục vụ khảo sát, thăm dò, khai thác tài nguyên, dịch vụ sửa chữa, đóng mới và các hoạt động về môi trường trong vùng biển Việt Nam	2.001719	BPMC Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam	Phòng Pháp chế
21	Cấp Giấy chứng nhận bảo hiểm hoặc bảo đảm tài chính về trách nhiệm dân sự đối với thiệt hại ô nhiễm dầu (CLC 1992)	1.000563	BPMC Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam	Phòng Pháp chế
22	Cấp Giấy chứng nhận bảo hiểm hoặc bảo đảm tài chính về trách nhiệm dân sự đối với tổn thất ô nhiễm dầu nhiên liệu 2001 (BCC)	1.000469	BPMC Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam	Phòng Pháp chế
23	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh khai thác cảng biển	1.001810	BPMC Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam	Phòng Pháp chế

STT	Tên thủ tục	Mã thủ tục	Địa điểm thực hiện Tiếp nhận và Trả kết quả	Đơn vị giải quyết
24	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh khai thác cảng biển	1.001830	BPMC Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam	Phòng Pháp chế
25	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đào tạo, huấn luyện thuyền viên hàng hải	1.004850	BPMC Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam	Phòng Tổ chức cán bộ
26	Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đào tạo, huấn luyện thuyền viên hàng hải	1.004843	BPMC Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam	Phòng Tổ chức cán bộ
27	Cấp lại Sổ thuyền viên	1.002787	BPMC Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam	Phòng Tổ chức cán bộ
28	Cấp Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn thủy thủ trực ca, thợ máy trực ca, thợ kỹ thuật điện; Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn cho thuyền viên Việt Nam đã có Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn do cơ quan có thẩm quyền nước ngoài cấp	1.002472	BPMC Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam	Phòng Tổ chức cán bộ
29	Cấp Giấy công nhận Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn	1.002460	BPMC Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam	Phòng Tổ chức cán bộ
30	Cấp Giấy xác nhận việc cấp Giấy chứng nhận	1.002448	BPMC Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam	Phòng Tổ chức cán bộ
31	Cấp Giấy chứng nhận huấn luyện viên chính	1.002441	BPMC Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam	Phòng Tổ chức cán bộ

STT	Tên thủ tục	Mã thủ tục	Địa điểm thực hiện Tiếp nhận và Trả kết quả	Đơn vị giải quyết
32	Cấp lại Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, Giấy xác nhận việc cấp Giấy chứng nhận, Giấy công nhận Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, Giấy chứng nhận huấn luyện viên chính	1.002420	BPMC Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam	Phòng Tổ chức cán bộ
33	Mở khóa đào tạo bồi dưỡng nghiệp vụ và cấp Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn sỹ quan, thuyền trưởng, máy trưởng	1.002408	BPMC Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam	Phòng Tổ chức cán bộ
34	Cấp Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn hoa tiêu hàng hải	1.002345	BPMC Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam	Phòng Tổ chức cán bộ
35	Cấp lại Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn hoa tiêu hàng hải	1.002326	BPMC Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam	Phòng Tổ chức cán bộ
36	Cấp Giấy chứng nhận vùng hoạt động hoa tiêu hàng hải	1.000289	BPMC Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam	Phòng Tổ chức cán bộ
37	Cấp lại Giấy chứng nhận vùng hoạt động hoa tiêu hàng hải	1.000284	BPMC Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam	Phòng Tổ chức cán bộ
38	Cấp Giấy chứng nhận vùng hoạt động hoa tiêu hàng hải đối với hoa tiêu hàng hải chuyển vùng hoạt động	1.000279	BPMC Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam	Phòng Tổ chức cán bộ
39	Đăng ký và cấp Sổ thuyền viên	1.002788	BPMC Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam	Phòng Tổ chức cán bộ
40	Xác nhận hàng năm Giấy chứng nhận phù hợp của cảng biển	2.000519	BPMC Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam	Phòng Vận tải – An toàn và Phương tiện

STT	Tên thủ tục	Mã thủ tục	Địa điểm thực hiện Tiếp nhận và Trả kết quả	Đơn vị giải quyết
41	Giao tuyến dẫn tàu	1.002490	BPMC Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam	Phòng Vận tải – An toàn và Phương tiện
42	Cấp Giấy chứng nhận phù hợp của cảng biển	1.001099	BPMC Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam;	Phòng Vận tải – An toàn và Phương tiện
43	Cấp Giấy phép nhập khẩu tàu biển đã qua sử dụng để phá dỡ	2.000378	BPMC Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam	Phòng Vận tải – An toàn và Phương tiện
44	Phê duyệt phương án trục vớt tài sản chìm đắm	1.002771	BPMC Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam	Phòng Vận tải – An toàn và Phương tiện
45	Chấp thuận đặt tên tàu biển	1.002763	BPMC Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam	Phòng Vận tải – An toàn và Phương tiện
46	Đăng ký tàu biển không thời hạn	1.002687	BPMC Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam	Phòng Vận tải – An toàn và Phương tiện
47	Đăng ký tàu biển có thời hạn	1.002674	BPMC Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam	Phòng Vận tải – An toàn và Phương tiện
48	Đăng ký tàu biển tạm thời	1.002645	BPMC Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam	Phòng Vận tải – An toàn và Phương tiện

STT	Tên thủ tục	Mã thủ tục	Địa điểm thực hiện Tiếp nhận và Trả kết quả	Đơn vị giải quyết
49	Đăng ký tàu biển đang đóng	1.002578	BPMC Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam	Phòng Vận tải – An toàn và Phương tiện
50	Đăng ký tàu biển loại nhỏ	1.002550	BPMC Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam	Phòng Vận tải – An toàn và Phương tiện
51	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký tàu biển	1.002582	BPMC Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam	Phòng Vận tải – An toàn và Phương tiện
52	Xóa đăng ký	1.002508	BPMC Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam	Phòng Vận tải – An toàn và Phương tiện
53	Đăng ký nội dung thay đổi thông tin ghi trong Giấy chứng nhận đăng ký tàu biển	1.000274	BPMC Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam	Phòng Vận tải – An toàn và Phương tiện
54	Cấp Bản công bố phù hợp Lao động hàng hải Phần I	1.000267	BPMC Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam	Phòng Vận tải – An toàn và Phương tiện

STT	Tên thủ tục	Mã thủ tục	Địa điểm thực hiện Tiếp nhận và Trả kết quả	Đơn vị giải quyết
55	Quyết định lại đưa cơ sở phá dỡ tàu biển vào hoạt động	1.007949	BPMC Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam	Phòng Vận tải – An toàn và Phương tiện
56	Cấp Giấy phép vận tải nội địa cho tàu biển nước ngoài - Đối với trường hợp vận chuyển hàng hóa siêu trường, siêu trọng hoặc các loại hàng hóa khác bằng tàu biển chuyên dùng; giải tỏa hàng hóa, hành khách và hành lý bị ách tắc tại cảng; - Đối với trường hợp phòng chống khắc phục thiên tai, dịch bệnh hoặc cứu trợ nhân đạo khẩn cấp.	1.004425	BPMC Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam	Phòng Vận tải – An toàn và Phương tiện
57	Quyết định đưa cơ sở phá dỡ tàu biển vào hoạt động	1.000940	BPMC Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam	Phòng Vận tải – An toàn và Phương tiện
58	Chấp thuận vùng hoạt động tàu lặn	1.013466	BPMC Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam	Phòng Vận tải – An toàn và Phương tiện
II – Lĩnh vực Đường thủy nội địa				
1	Công bố lại hoạt động cảng thủy nội địa - Bộ Xây dựng: công bố lại hoạt động cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài; - Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam: công bố lại hoạt động cảng thủy nội địa trên đường thủy nội địa quốc gia, đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa quốc gia, cảng thủy nội địa có vùng nước, vùng đất vừa trên đường thủy nội địa quốc gia vừa trên đường thủy nội địa địa phương, cảng thủy nội địa trong vùng nước cảng biển nối với đường thủy nội địa quốc	1.004242	BPMC Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam	Phòng Kết cấu hạ tầng

STT	Tên thủ tục	Mã thủ tục	Địa điểm thực hiện Tiếp nhận và Trả kết quả	Đơn vị giải quyết
	<i>gia, trừ trường hợp thuộc thẩm quyền của Bộ Xây dựng và các trường hợp khác do Bộ Xây dựng quyết định.</i>			
2	Thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng luồng đường thủy nội địa	1.009442	BPMC Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam	Phòng Kết cấu hạ tầng
3	Đổi tên cảng, bến thủy nội địa, khu neo đậu - Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam đối với cảng thủy nội địa trên đường thủy nội địa quốc gia, đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa quốc gia, cảng thủy nội địa có vùng nước, vùng đất vừa trên đường thủy nội địa quốc gia vừa trên đường thủy nội địa địa phương, cảng thủy nội địa trong vùng nước cảng biển nối với đường thủy nội địa quốc gia trừ trường hợp thuộc thẩm quyền của Bộ Xây dựng và các trường hợp khác do Bộ Xây dựng quyết định.	1.009443	BPMC Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam	Phòng Kết cấu hạ tầng
4	Gia hạn hoạt động cảng, bến thủy nội địa - Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam: gia hạn đối với cảng thủy nội địa trên đường thủy nội địa quốc gia, đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa quốc gia, cảng thủy nội địa có vùng nước, vùng đất vừa trên đường thủy nội địa quốc gia vừa trên đường thủy nội địa địa phương, cảng thủy nội địa trong vùng nước cảng biển nối với đường thủy nội địa quốc gia trừ trường hợp thuộc thẩm quyền của Bộ Xây dựng và các trường hợp khác do Bộ Xây dựng quyết định	1.009444	BPMC Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam	Phòng Kết cấu hạ tầng
5	Thỏa thuận nâng cấp bến thủy nội địa thành cảng thủy nội địa - Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam: nâng cấp bến thủy nội địa thành cảng thủy nội địa trên đường thủy nội địa quốc gia, đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa quốc gia, cảng thủy nội địa có vùng nước, vùng đất vừa trên đường thủy nội địa quốc gia vừa trên đường thủy nội địa địa phương, cảng thủy nội địa trong vùng nước cảng biển nối với đường thủy nội địa quốc	1.009445	BPMC Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam	Phòng Kết cấu hạ tầng

STT	Tên thủ tục	Mã thủ tục	Địa điểm thực hiện Tiếp nhận và Trả kết quả	Đơn vị giải quyết
	<i>gia, trừ trường hợp thuộc thẩm quyền của Bộ Xây dựng và các trường hợp khác do Bộ Xây dựng quyết định</i>			
6	Công bố chuyên bến thủy nội địa thành cảng thủy nội địa trong trường hợp bến thủy nội địa có quy mô, thông số kỹ thuật phù hợp với cấp kỹ thuật cảng thủy nội địa <i>- Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam: công bố chuyên bến thủy nội địa thành cảng thủy nội địa trên đường thủy nội địa quốc gia, đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa quốc gia, cảng thủy nội địa có vùng nước, vùng đất vừa trên đường thủy nội địa quốc gia vừa trên đường thủy nội địa địa phương, cảng thủy nội địa trong vùng nước cảng biển nối với đường thủy nội địa quốc gia, trừ trường hợp thuộc thẩm quyền của Bộ Xây dựng và các trường hợp khác do Bộ Xây dựng quyết định.</i>	1.009446	BPMC Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam	Phòng Kết cấu hạ tầng
7	Công bố đóng cảng, bến thủy nội địa <i>- Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam: cảng thủy nội địa trên đường thủy nội địa quốc gia, đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa quốc gia, cảng thủy nội địa có vùng nước, vùng đất vừa trên đường thủy nội địa quốc gia vừa trên đường thủy nội địa địa phương, cảng thủy nội địa trong vùng nước cảng biển nối với đường thủy nội địa quốc gia.</i>	1.009447	BPMC Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam	Phòng Kết cấu hạ tầng
8	Thiết lập khu neo đậu (đối với khu neo đậu trên đường thủy nội địa quốc gia, đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa quốc gia, khu neo đậu có vùng nước vừa trên đường thủy nội địa quốc gia vừa trên đường thủy nội địa địa phương và các trường hợp khác do Bộ Xây dựng quyết định)	1.009448	BPMC Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam	Phòng Kết cấu hạ tầng
9	Công bố hoạt động khu neo đậu (đối với khu neo đậu trên đường thủy nội địa quốc gia, đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa quốc gia, khu neo đậu có vùng nước vừa trên đường thủy nội địa quốc gia vừa trên đường thủy nội địa địa phương và các trường hợp khác do Bộ Xây dựng quyết định)	1.009449	BPMC Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam	Phòng Kết cấu hạ tầng

STT	Tên thủ tục	Mã thủ tục	Địa điểm thực hiện Tiếp nhận và Trả kết quả	Đơn vị giải quyết
10	Công bố đóng khu neo đậu (đối với khu neo đậu trên đường thủy nội địa quốc gia, đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa quốc gia, khu neo đậu có vùng nước vừa trên đường thủy nội địa quốc gia vừa trên đường thủy nội địa địa phương và các trường hợp khác do Bộ Xây dựng quyết định)	1.009450	BPMC Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam	Phòng Kết cấu hạ tầng
11	Công bố hoạt động cảng thủy nội địa - Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam: công bố hoạt động cảng thủy nội địa trên đường thủy nội địa quốc gia, đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa quốc gia, cảng thủy nội địa có vùng nước, vùng đất vừa trên đường thủy nội địa quốc gia vừa trên đường thủy nội địa địa phương, cảng thủy nội địa trong vùng nước cảng biển nối với đường thủy nội địa quốc gia, trừ trường hợp thuộc thẩm quyền của Bộ Xây dựng và các trường hợp khác do Bộ Xây dựng quyết định	1.009456	BPMC Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam	Phòng Kết cấu hạ tầng
12	Công bố hoạt động cảng thủy nội địa trường hợp không còn nhu cầu tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài (đối với cảng thủy nội địa trên đường thủy nội địa quốc gia, đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa quốc gia, cảng thủy nội địa có vùng nước, vùng đất vừa trên đường thủy nội địa quốc gia vừa trên đường thủy nội địa địa phương, cảng thủy nội địa trong vùng nước cảng biển nối với đường thủy nội địa quốc gia)	1.009458	BPMC Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam	Phòng Kết cấu hạ tầng
13	Công bố mở luồng chuyên dùng nối với luồng quốc gia, luồng chuyên dùng nối với luồng địa phương (trường hợp luồng chuyên dùng nối với luồng quốc gia)	1.009459	BPMC Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam	Phòng Kết cấu hạ tầng
14	Công bố đóng luồng đường thủy nội địa khi không còn nhu cầu khai thác, sử dụng (đối với luồng quốc gia, luồng chuyên dùng nối với luồng quốc gia)	1.009460	BPMC Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam	Phòng Kết cấu hạ tầng
15	Thông báo luồng đường thủy nội địa chuyên dùng	1.009461	BPMC Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam	Phòng Kết cấu hạ tầng

STT	Tên thủ tục	Mã thủ tục	Địa điểm thực hiện Tiếp nhận và Trả kết quả	Đơn vị giải quyết
16	Thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng cảng thủy nội địa <i>- Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam: thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng cảng thủy nội địa trên đường thủy nội địa quốc gia, đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa quốc gia, cảng thủy nội địa có vùng nước, vùng đất vừa trên đường thủy nội địa quốc gia vừa trên đường thủy nội địa địa phương, cảng thủy nội địa trong vùng nước cảng biển nối với đường thủy nội địa quốc gia, trừ trường hợp thuộc thẩm quyền của Bộ Xây dựng và các trường hợp khác do Bộ Xây dựng quyết định.</i>	1.009462	BPMC Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam	Phòng Kết cấu hạ tầng
17	Thỏa thuận về nội dung liên quan đến đường thủy nội địa đối với công trình không thuộc kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa và các hoạt động trên đường thủy nội địa <i>- Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam: thỏa thuận về nội dung liên quan đến đường thủy nội địa đối với các công trình, hoạt động trên đường thủy nội địa quốc gia, đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa quốc gia, hành lang bảo vệ luồng, trừ trường hợp thuộc thẩm quyền của Bộ Xây dựng.</i>	1.009463	BPMC Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam	Phòng Kết cấu hạ tầng
18	Công bố hạn chế giao thông đường thủy nội địa (đối với trường hợp bảo đảm quốc phòng, an ninh trên đường thủy nội địa quốc gia, đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa quốc gia, vùng nước chưa được tổ chức quản lý nhưng có hoạt động vận tải tiếp giáp với hành lang bảo vệ luồng quốc gia)	1.009464	BPMC Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam	Phòng Kết cấu hạ tầng
19	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ Điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa (đối với cơ sở từ loại 3 trở lên trong phạm vi toàn quốc)	2.002001	BPMC Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam	Phòng Tổ chức cán bộ

STT	Tên thủ tục	Mã thủ tục	Địa điểm thực hiện Tiếp nhận và Trả kết quả	Đơn vị giải quyết
20	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ Điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa (đối với cơ sở từ loại 3 trở lên trong phạm vi toàn quốc)	2.001998	BPMC Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam	Phòng Tổ chức cán bộ
21	Cấp, cấp lại, chuyển đổi giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn (<i>cấp, cấp lại, chuyển đổi GCNKNCM thuyền trưởng, máy trưởng từ hạng nhì trở lên trong phạm vi toàn quốc và GCNKNCM thuyền trưởng hạng tư trở lên, máy trưởng từ hạng ba trở lên đối với cơ sở đào tạo trực thuộc Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam; cấp, cấp lại, chuyển đổi CCCM đặc biệt</i>).	1.003135	BPMC Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam	Phòng Tổ chức cán bộ
22	Cấp Giấy phép vận tải qua biên giới	1.004261	BPMC Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam	Phòng Vận tải – An toàn và Phương tiện
23	Cấp lại Giấy phép vận tải qua biên giới	1.004259	BPMC Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam	Phòng Vận tải – An toàn và Phương tiện
24	Đăng ký phương tiện lần đầu đối với phương tiện chưa khai thác trên đường thủy nội địa	1.004088	BPMC Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam	Phòng Vận tải – An toàn và Phương tiện
25	Đăng ký lần đầu đối với phương tiện đang khai thác trên đường thủy nội địa	1.004047	BPMC Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam	Phòng Vận tải – An toàn và Phương tiện
26	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển từ cơ quan đăng ký khác sang cơ quan đăng ký phương tiện thủy nội địa	1.004036	BPMC Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam	Phòng Vận tải – An toàn và Phương tiện

STT	Tên thủ tục	Mã thủ tục	Địa điểm thực hiện Tiếp nhận và Trả kết quả	Đơn vị giải quyết
27	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp phương tiện thay đổi tên, tính năng kỹ thuật	2.001711	BPMC Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam	Phòng Vận tải – An toàn và Phương tiện
28	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện nhưng không thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện	1.004002	BPMC Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam	Phòng Vận tải – An toàn và Phương tiện
29	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện đồng thời thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện	1.003970	BPMC Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam	Phòng Vận tải – An toàn và Phương tiện
30	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chủ phương tiện thay đổi trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của chủ phương tiện sang đơn vị hành chính cấp tỉnh khác	1.006391	BPMC Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam	Phòng Vận tải – An toàn và Phương tiện
31	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện	1.003930	BPMC Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam	Phòng Vận tải – An toàn và Phương tiện
32	Phê duyệt phương án vận tải hàng hóa siêu trường hoặc hàng hóa siêu trọng trên đường thủy nội địa	1.000344	BPMC Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam	Phòng Vận tải – An toàn và Phương tiện
33	Chấp thuận phương án bảo đảm an toàn giao thông (đối với chấp thuận phương án bảo đảm an toàn giao thông đối với công trình, hoạt động bảo đảm quốc phòng, an ninh trên đường thủy nội địa quốc gia, đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa quốc gia)	1.009465	BPMC Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam	Phòng Vận tải- An toàn và phương tiện

STT	Tên thủ tục	Mã thủ tục	Địa điểm thực hiện Tiếp nhận và Trả kết quả	Đơn vị giải quyết
34	Xóa đăng ký phương tiện	2.001659	BPMC Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam	Phòng Vận tải- An toàn và phương tiện
III – Lĩnh vực khác				
1	Cấp bản sao văn bản chứng nhận đăng ký biện pháp bảo đảm bằng tàu biển	1.011434	BPMC Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam	Phòng Vận tải- An toàn và phương tiện
2	Cung cấp thông tin về biện pháp bảo đảm bằng tàu biển	1.011433	BPMC Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam	Phòng Vận tải- An toàn và phương tiện
3	Đăng ký thay đổi biện pháp bảo đảm bằng tàu biển	1.011430	BPMC Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam	Phòng Vận tải- An toàn và phương tiện
4	Đăng ký biện pháp bảo đảm bằng tàu biển	1.011429	BPMC Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam	Phòng Vận tải- An toàn và phương tiện
5	Đăng ký thông báo xử lý tài sản bảo đảm, đăng ký thay đổi, xóa đăng ký thông báo xử lý tài sản bảo đảm là tàu biển	1.011432	BPMC Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam	Phòng Vận tải- An toàn và phương tiện
6	Xóa đăng ký biện pháp bảo đảm bằng tàu biển	1.011431	BPMC Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam	Phòng Vận tải- An toàn và phương tiện